

LD VIETSOVPEIRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/10/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK19+TTC2+TD3	7:25	6+4+12	0+0+0		0+4+17	0+0+0	
2		FTG1+FTG3+P6	7:25	10+9+2	0+0+0		6+3+13	0+0+0	
3		TD3+TD5	7:25	5+17	0+0		3+19	0+0	
4		RC5+TD2	9:25	6+14	0+0		0+22	0+0	
5		P9+P6	9:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
6		P8+P6	9:25	16+6	0+0		12+10	0+0	
7		TD5+BK19+BK15	11:25	9+3+9	0+0+0		5+4+13	0+0+0	
8		TTC1+TTC3+P8	11:25	5+2+14	0+0+0		4+1+17	0+0+0	CHUYEN 3 TTC3-P8
9		T.UNG	12:25	12	0		11	0	
10		PVD8+KTRN	13:25	14+6	0+0		14+8	0+0	
11		PVD8+TD2	13:25	15+0	0+0		9+13	0+0	

TTBDSX

*CC*  
*TD - hai van XNK*

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY TTC1-3NG, BK19-4NG

2/Các gián chú ý: Thẻ VT về bờ dân hành lý và phải ghi họ tên hành khách và nơi xuất phát về bờ. Không có sẽ tạm giữ lại lập danh sách vi phạm nội quy AT bay, sẽ đề nghị trừ thưởng gián và cá nhân vi phạm



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:32
B.CARD: XANH-1	TO: BK19 - TTC2 - TD3	CREW: QVIET - MTHAO - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4107	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ HỒNG SƠN	BK19	69	1	2	2	35	67	D-HANH	Vietnamese
2	VŨ VĂN MẠNH	BK19						76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	BK19	82	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
4	MARTYNOV A. IU	BK19	81	1	2			111	ANTOAN	Russian
5	HOANG THAI LONG	BK19	78	1	7			55	PSV	Vietnamese
6	ĐỖ MINH TOÀN	BK19	79-80	2	12			114	KH-THAC	Vietnamese
7	PHUNG MINH HIẾU	TTC2	29-31	3	19	2	30	76	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ TRƯỞNG KIẾN	TTC2	33	1	11			98	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VĂN TUẤN	TTC2	32	1	7			52	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ PHƯƠNG	TTC2	34-35	2	9			57	KH-THAC	Vietnamese
11	KOSHELEV PAVEL	TD3	15	1	10	2	40	87	KHOAN	Russian
12	NGUYỄN LAM VINH NGUYỄN	TD3	08	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ TIẾN LỤC	TD3	10	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG NGỌC NGHĨA	TD3	11	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
15	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	13	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HAI 81	TD3	09	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN TUẤN	TD3	12	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN TRÚC TUYẾN	TD3	06	1	2			62	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ NGUYỄN KHANG	TD3	07	1	6			80	KHOAN	Vietnamese
20	ĐẶNG HUY LONG	TD3	14	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
21	VŨ NGỌC THANH	TD3	17-18	2	14			66	KHOAN	Vietnamese
22	PHUNG VĂN XUYẾN	TD3	16	1	4			67	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK19	6	484	6	27	2	35	0		
2	TTC2	4	283	7	46	2	30	4		
3	TD3	12	827	13	76	2	40	17		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.594</b>	<b>26</b>	<b>149</b>	<b>6</b>	<b>105</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.594</b>		<b>149</b>		<b>105</b>			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TTC1 - TTC3 - P6	CREW: TUYEN - CHIEN - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4111	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VAN CUONG	TTC1	891	1	7			47	KH-THAC	Vietnamese
2	LE DANG MINH ĐỨC	TTC1				2	26	89	KH-THAC	Vietnamese
3	SMIRNOV S.S	TTC1	96	1	4			94	KH-THAC	Russian
4	LUU VIỆT DUNG	TTC1						82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO VAN TINH	TTC1	94-95	2	14			64	ANTOAN	Vietnamese
6	BUI THE UU	TTC1	99	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN KHUONG	TTC1	97	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN HUY	TTC1	89-90	2	16			64	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG VAN CUONG	TTC1	98	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG VAN QUAN	TTC1	92	1	15	1	17	68	XAYLAP	Vietnamese
11	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	93	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
12	LAZAREV A.V	TTC3	90	1	6			86	KH-THAC	Russian
13	TRAN VAN BAC	TTC3	84	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO TIEN ĐẠT	TTC3	87	1	8	2	27	79	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN VAN CHUNG	TTC3	88-89	2	16			82	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYEN TUAN ANH	TTC3	85-86	2	22			59	KH-THAC	Vietnamese
17	VÔ TUAN MẠNH	TTC3	83	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH LỘC	TTC3	92	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN HOANG GIANG	TTC3	91	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
20	CHERNIIVSKY D.S	P6	900	1	9			115	KH-THAC	Russian
21	PIATOV S.V	P6	01	1	11	1	10	102	KH-THAC	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC1	10	724	10	73	3	43	6		
2	TTC3	9	659	11	77	2	27	3		
3	P6	2	217	2	20	1	10	13		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.600</b>	<b>23</b>	<b>170</b>	<b>6</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.600</b>		<b>170</b>		<b>80</b>			

GRAND TOTAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN DUY TUYẾN  
DUONG DUY CHIEN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TD3 - TD5	CREW: LHM - KHAI - DUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4115	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VUONG HUU QUOC THAI	TD3	21-22	2	8	1	22	79	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THE DUNG	TD3	25	1	12			64	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN XUAN KY	TD3	24	1	10			88	KHOAN	Vietnamese
4	LE NGOC BINH	TD3	20	1	12			81	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN QUANG HUY	TD3	23	1	7			87	PSV	Vietnamese
6	VU MANH THANG	TD5	39	1	5	5	90	78	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM VAN DUY	TD5	48	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN HOANG LAM	TD5	33	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
9	CAO DUC HAI	TD5	44	1	6			83	KHOAN	Vietnamese
10	NGO QUOC BAO	TD5	34	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN DINH	TD5	42	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
12	NHU THANH TUYEN	TD5	43	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN SY LE	TD5	49-50	2	19			55	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH CONG	TD5						86	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN VAN DIEU	TD5	41	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VIET DUNG	TD5	47	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
17	DUONG DUC HIEU	TD5	35	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MANH TRUONG	TD5	40	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
19	LE XUAN QUY	TD5	36-37	2	7			76	YTE	Vietnamese
20	VU HOANG LONG	TD5	38	1	12			102	DMC-MI	Vietnamese
21	BUI VAN PHUONG	TD5	46	1	12			63	DMC-MI	Vietnamese
22	DO VINH CUONG	TD5	45	1	4			66	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	5	399	6	49	1	22	3		
2	TD5	17	1.228	18	118	5	90	19		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.627</b>	<b>24</b>	<b>167</b>	<b>6</b>	<b>112</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.627</b>		<b>167</b>		<b>112</b>			

GRAND TOAL: 1.906 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN QUANG THINH

CREW

LUU THANH HAI   
 DANG QUANG KHAI



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: HÔNG-2	TO: RC5 - TD2	CREW: VIỆT - MTHAO - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4108	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ VĂN HIỆU	RC5	68	1	11			78	KH-THAC	Vietnamese
2	LƯƠNG TUẤN ANH	RC5	96-97	2	13			87	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐẠI KHOA	RC5	69	1	12			69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	RC5	91-92	2	17			66	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ HOÀNG TÀN	RC5	71-72	2	15	3	30	97	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH THAO	RC5	70	1	13			65	DVL	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	79	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	37	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN TUẤN ANH	TD2	78	1	5			90	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM LÊ NAM	TD2	33	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM THÈ CHUYỀN	TD2	36	1	2			63	KHOAN	Vietnamese
12	DUƠNG HAI BĂNG	TD2	35	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
13	MAI ĐỨC THÂN	TD2	39	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ MINH ĐỨC	TD2	34	1	5			89	KHOAN	Vietnamese
15	HỒ VĂN HÙNG	TD2	80-81	2	12			76	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN HÙNG ANH	TD2	41	1	5			68	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TRI	TD2	40	1	5			76	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	TD2	77	1	6			64	PSV	Vietnamese
19	VĂN CÔNG LẠC	TD2	38	1	8			68	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	6	462	9	81	3	30	0		
2	TD2	13	959	14	77	0	0	22		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.421</b>	<b>23</b>	<b>158</b>	<b>3</b>	<b>30</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.421</b>		<b>158</b>		<b>30</b>			

GRAND TOTAL: 1.609 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P9 - P6	CREW: TUYỀN - CHIẾN - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4112	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM THANH PHONG	P9	99,200	2	19			91	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN VAN SAU	P6	23	1	5	3	54	73	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN HOAN	P6	16	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
4	VU DINH HOAN	P6	24	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG THỌ TAM	P6	17	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HIEU	P6	32	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH HOAI NAM	P6	42-43	2	20			78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DINH TUYEN	P6	28-29	2	14			66	YTE	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DUY ANH	P6	33	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
10	HA DUY ĐỒNG	P6						91	KH-THAC	Vietnamese
11	HA XUAN THANH	P6	26-27	2	11			112	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TIEN DUNG	P6	30	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG THAI ANH	P6	15	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HỒNG GIANG	P6	22	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HIỆP	P6	34-35	2	18			94	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÀO KIM SÂM	P6	21	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	P6	25	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH CHUNG	P6	31	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ QUANG HUY	P6	20	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN XUAN KHANH	P6						63	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ ĐỨC HUNG	P6	18-19	2	15			64	CODIEN	Vietnamese
22	ĐOÀN NGUYỄN MINH TRƯỜNG	P6	36	1	12			78	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	1	91	2	19	0	0	0		
2	P6	21	1.585	24	167	3	54	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.676</b>	<b>26</b>	<b>186</b>	<b>3</b>	<b>54</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.676</b>		<b>186</b>		<b>54</b>			

GRAND TOAL: 1.916 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN

ĐỖ VĂN CHIẾN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: P8 - P6	CREW: LHM - KHAI - DUNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/4116	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN VAN QUE	P8	72	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DUC THANG	P8	68	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI TRONG BINH	P8	73	1	10			84	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN CAO TRI	P8	63	1	4	2	14	84	T-TIN	Vietnamese
5	PHAN THANH SON	P8	65	1	12	1	12	79	T-TIN	Vietnamese
6	VU DUC TUNG	P8	66-67	2	12	1	10	75	YTE	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG HOA	P8	58	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM KHAC DOAN	P8	71	1	12			64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC CHUNG	P8	75	1	9			56	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG PHUC HUNG	P8	77	1	12			94	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM TU ANH	P8	74	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG DINH THUAN	P8	69-70	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG TRI NAM	P8						78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRI HUNG	P8	76	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
15	TRUONG VAN TUNG	P8	78	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN QUANG HUY	P8	59-60	2	10			62	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VAN TRINH	P6	87	1	13			71	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG THANH	P6						73	PSV	Vietnamese
19	LE MINH HOAN	P6	89	1	9	3	41	77	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG HUY	P6	90	1	5			91	PSV	Vietnamese
21	PHAN THANH NAM	P6	88	1	11			75	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN NGHIA	P6	86	1	4			60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	16	1.157	18	123	4	36	12		
2	P6	6	447	5	42	3	41	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.604</b>	<b>23</b>	<b>165</b>	<b>7</b>	<b>77</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.604</b>		<b>165</b>		<b>77</b>			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

HOANG THI THUY

CREW

LUU THANH HAI  
NGUYEN QUANG KHAI



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: TD5 - BK19 - BK15	CREW: DUONG - NPHU - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/4109	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI TAN BINH	TD5	43-44	2	6			71	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC BÌNH	TD5	48-49	2	10			69	KHOAN	Vietnamese
3	BUI VAN QUYET	TD5	42	1	10			88	KHOAN	Vietnamese
4	DUONG QUOC VIET	TD5	45	1	10			85	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN ĐỨC BÌNH	TD5	47	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOAN TRỌNG TƯỜNG	TD5	50	1	14			79	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯƠNG NGỌC HOANG	TD5	18	1	6			74	DVL	Vietnamese
8	KIEU VAN TUAN	TD5	46	1	4			70	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN THANH HUY	BK19	75-76	2	16			88	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC QUAN	BK19	77	1	11			81	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TUNG	BK19	78	1	13	4	47	81	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN HOANG SON	BK15	41	1	4	2	35	86	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN QUANG HOANG	BK15	37	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG HUY	BK15	40	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
15	LUU TIEN THANH	BK15	39	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
16	LE CHI CONG	BK15	38	1	8			94	KH-THAC	Vietnamese
17	VU HUU CHINH	BK15	36	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN THANH TAM	BK15	31-33	3	18			82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN HUNG	BK15	34-35	2	20			69	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VAN PHUONG	BK15	42	1	5			68	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	8	618	10	68	0	0	5		
2	BK19	3	250	4	40	4	47	4		
3	BK15	9	669	12	78	2	35	13		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.537</b>	<b>26</b>	<b>186</b>	<b>6</b>	<b>82</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.537</b>		<b>186</b>		<b>82</b>			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

VŨ THỊ THU HƯƠNG

BUI HOANG DUONG  
ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: TRẮNG -3	TO:TTC1 - TTC3 - P8	CREW: HÙNG - SƠN - DÙNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/4113	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN XUÂN VIỆT	TTC1	51	1	11			55	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN HỒNG THANH	TTC1	52	1	11			72	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG VINH	TTC1	49	1	13			77	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HÙNG	TTC1	48	1	5			74	PSV	Vietnamese
5	TRAN VAN THOAI	TTC1	50	1	5			59	PSV	Vietnamese
6	TRẦN KHIÊM HIỆU	TTC3	96	1	6	2	40	62	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN XUÂN HOA	TTC3						76	PSV	Vietnamese
8	LÊ QUANG THĂNG	P8	85	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	87	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM XUÂN CƯỜNG	P8	86	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG CÔNG	P8	84	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY DƯƠNG	P8	89	1	8			80	NAM TIEN	Vietnamese
13	HOANG MINH THUẬN	P8	76	1	7			70	NAM TIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	P8	79	1	7			65	NAM TIEN	Vietnamese
15	HUYNH VĂN NAM	P8	82	1	7			65	NAM TIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN KHANH	P8	90	1	7			72	NAM TIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TUẤN	P8	80-81	2	11			69	PSV	Vietnamese
18	HA VAN THIEN	P8	88	1	7			71	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÙNG	P8	83	1	8			78	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P8	77	1	6			57	PSV	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC THUẬN	P8	78	1	5			50	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC1	5	337	5	45	0	0	4		
2	TTC3	2	138	1	6	2	40	1	3	CHUYEN 3 PAX TTC3-P8
3	P8	14	950	15	103	0	0	17		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.425</b>	<b>21</b>	<b>154</b>	<b>2</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.425</b>		<b>154</b>		<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.619 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LÊ QUÝ HÙNG  
PHẠM THÁI SƠN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:30
B.CARD: NAU-3	TO:T.UNG	CREW: NKHÁNH - MẠNH	ETA: 14:30
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/4096	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	IASHEV V.IU	T.UNG	83	1	7	6	110	91	KH-THAC	Russian
2	PHẠM VĂN HÙNG	T.UNG	75	1	6			74	T-TIN	Vietnamese
3	LE NGOC TUAN	T.UNG	78	1	12			79	XAYLAP	Vietnamese
4	LE VĂN HOÀ	T.UNG	66	1	14			66	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM VĂN BÌNH	T.UNG	73	1	10	1	13	77	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	T.UNG	79-80	2	15			62	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG LUAN	T.UNG	71-72	2	19			59	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VIỆT QUANG	T.UNG	67-68	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	T.UNG	81-82	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VĂN DUONG	T.UNG	69	1	10	1	17	56	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ XUÂN KHOE	T.UNG	84-85	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
12	LIU ĐỨC NGUU	T.UNG	76-77	2	9			64	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	12	827	18	152	8	140	11		
	<b>TOTAL</b>	<b>12</b>	<b>827</b>	<b>18</b>	<b>152</b>	<b>8</b>	<b>140</b>	<b>11</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>		<b>827</b>		<b>152</b>		<b>140</b>			

GRAND TOAL: 1.119 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN VĂN KHÁNH  
ĐẶNG NGỌC MẠNH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: NÂU-4	TO: PVD8 - KTRN	CREW: DUONG - NPHU - TOAN	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/4110	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NHAM ĐỨC TUÂN	PVD8	93	1	13	1	36	70	XN ĐỊA VÀ	Vietnamese
2	PHAN VAN HUNG	PVD8	83	1	6			92	PVD DD	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TOÀN	PVD8	87	1	7			58	PSV	Vietnamese
4	VƯƠNG VĂN THÔNG	PVD8	78	1	4			67	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PVD8	91-92	2	7			79	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG QUỐC BẢO	PVD8	88	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THAO	PVD8	89-90	2	9			69	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐẠI THANH	PVD8	79	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN ANH ĐÔNG	PVD8	80	1	7			86	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PVD8	84	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN CAO MẠNH	PVD8	86	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	PVD8	85	1	12			83	KH-THAC	Vietnamese
13	LÂM TRỌNG ĐẠI	PVD8	82	1	8	1	15	63	KH-THAC	Vietnamese
14	DOÀN ĐÌNH PHẠC	PVD8	81	1	5	4	56	71	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG NGỌC ANH CHIÊN	KTRN	31-32	2	17			72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN MINH HIỆU	KTRN	30	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	KTRN	33	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN ANH ĐỨC	KTRN	27	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ CHÍ CƯỜNG	KTRN	28-29	2	14			71	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG QUANG BÌNH	KTRN	26	1	5	1	14	55	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	14	1.018	16	93	6	107	14		
2	KTRN	6	390	8	50	1	14	8		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.408</b>	<b>24</b>	<b>143</b>	<b>7</b>	<b>121</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.408</b>		<b>143</b>		<b>121</b>			

GRAND TOAL: 1.672 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

BÙI HOÀNG DUƠNG  
ĐÀO NGỌC PHÚ





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:35
B.CARD: TİM-4	TO: PVD8 - TD2	CREW: HÙNG - SON - DTÙNG	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/4114	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM ĐỨC BÌNH	PVD8	23	1	12	1	5	77	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TUẤN ANH	PVD8	20-22	3	13	1	7	64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU LONG	PVD8	15	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	PVD8	16	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC VŨ	PVD8	30-31	2	9			66	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐẶNG THẾ ANH	PVD8	17-18	2	17			71	NIPI	Vietnamese
7	LÊ VĂN TỈNH	PVD8	13	1	6			73	GETRACO	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN LÂN	PVD8	12	1	5	4	54	66	GETRACO	Vietnamese
9	HÀ ĐỨC LUÔNG	PVD8	14	1	9			61	GETRACO	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	PVD8	11	1	4			60	GETRACO	Vietnamese
11	VUÔNG KHƯƠNG BÌNH	PVD8	19	1	5			65	GETRACO	Vietnamese
12	HUYNH CÔNG CHIẾN	PVD8	25	1	10			92	NHATHAU	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN TÙNG	PVD8	26	1	8			62	NHATHAU	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HIỆU	PVD8	32-33	2	13			78	NHATHAU	Vietnamese
15	HUYNH TẤN SANG	PVD8	28-29	2	17			66	NHATHAU	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	15	1.040	21	145	6	66	9		
2	TD2	0	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		15	1.040	21	145	6	66	22		
WEIGHT KG			1.040		145		66			

GRAND TOAL: 1.251 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG  
PHẠM THÁI SON





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 602B1	ETD: 11:30
B.CARD:	TO:TD1	CREW: PTHẮNG - TRÌNH - NGHĨA	ETA: 14:30
VSP FLIGHT: CC		VNHS FLIGHT: TM25/4119	

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY	
						PCS	KGS	W.T	
<b>SECTOR 1 : VT - TD1</b>									
1	NGUYỄN NGỌC LƯU	VSP BSY	Vietnamese	03609201	3821		0	0	74
2	BÙI KHẮC HOÀNG	VSP BSY	Vietnamese	03409601	2677		0	0	65
<b>PAX OUT</b>		<b>2</b>	<b>PAX IN</b>		<b>3</b>	<b>WT:</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>139</b>
<b>TOTAL</b>		<b>2</b>							

## FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)	
1	CÁNG VSP	09	TD1	1	40	
<b>REMARK : THÁO GHẾ LẮP 1 CÁNG VSP CHỖ BỆNH NHÂN</b>					<b>PAX.WEIGHT</b>	<b>139</b>
					<b>BAG.WEIGHT</b>	<b>0</b>
					<b>CARGO WEIGHT</b>	<b>40</b>
					<b>TOTAL</b>	<b>179</b>

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

ĐẶNG THÚY ANH

PHẠM ĐỨC THẮNG

TRẦN KHÁNH TRÌNH

FINISHED:11:36

FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name & signature )

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT & BAG: